

Bản án số: 76/2020/HS-PT

Ngày: 21-02-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Lê

Ông Phan Nguyên Nguyên

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phạm Thị Trúc Đào - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Hoàng Thị Thanh Hà - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/HSPT ngày 09/01/2020 đối với bị cáo Nguyễn Bửu A và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Bửu A, Bùi Duy B, Trần Dũng C đối với bản án hình sự sơ thẩm số 267/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Bửu A, sinh năm 1990, tại tỉnh X; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã N, huyện P (nay là thị xã P), tỉnh X; nơi ở: Nhà số 1093, đường X, Khu phố Y, phường T, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ hót tóc; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Trần Kim E; có vợ là Nguyễn Thị G và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ ngày 22-8-2019. (Có mặt)

2. Bùi Duy B, sinh năm 1987, tại tỉnh X; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã N, huyện P (nay là thị xã P), tỉnh X; nơi ở: Nhà số 184/3, đường X1, Khu phố Y1, phường T, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn D1 và bà Phan Thị E1; có vợ Nguyễn Ngọc G1 và 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ ngày 23-9-2019. (Có mặt)

3. Trần Dũng C, sinh năm 1960, tại Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 203/24, đường X2, Phường Y2, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: Nhà số 119-125, Đường X3, phường Y3, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Công D2 (chết) và bà Võ Bạch E2; có vợ là Nguyễn Thị G2 và 01 con sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 09/8/1991, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ

Chí Minh xử phạt 01 năm tù về “Tội cố ý làm trái những quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” và 01 năm tù về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản XHCN”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 02 năm tù (chấp hành xong hình phạt chính ngày 10/6/1992 và do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không còn lưu giữ các thông tin về việc chấp hành các quyết định khác nên án tích coi như đã được xóa); Tạm giam: 12/7/2019. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa tháng 9/2018, Nguyễn Bửu A và Bùi Duy B cùng nhau hùn tiền tổ chức bán lô đề (A rủ B) với phương thức nhắn tin qua điện thoại di động; nếu có người trúng thì sáng hôm sau A đến chung cư I để chi chung tiền cho người trúng lô đề hoặc thu tiền của người mua lô đề còn nợ. A và B quy ước tỷ lệ trúng đề như sau: Mua 02 con số trúng gấp 70 lần, 03 con số trúng gấp 600 lần, đá xiên đá vòng trúng gấp 550 lần và chỉ chịu trách nhiệm chung khi giữa 02 người có nhận được tin nhắn phoi đề bằng điện thoại di động qua lại với nhau, còn không có thì phải chịu trách nhiệm riêng. Ngày 15/9/2018, do A và B đã ghi bán các lô số đề cho Mai Hoàng D, Trần Dũng C và Lê Huỳnh E với kết quả những người này trúng số tiền quá lớn nhưng A không có tiền chung, sợ bị đánh nên đến Công an phường T, quận H tự thú. Công an phường đã tiếp nhận sự việc và lập hồ sơ ban đầu rồi chuyển cho Cơ quan điều tra giải quyết theo thẩm quyền. Qua truy xét theo lời khai của A, Cơ quan điều tra đã làm việc lần lượt với Bùi Duy B, Võ Văn H, Trần Dũng C, Mai Hoàng D và Lê Huỳnh E. Tại đây, *A khai*: Bắt đầu làm thầu lô đề từ đầu tháng 6/2018, đến ngày 08/9/2018 thì hùn với B theo cách thức lời lỗ chia đôi; giao ước liên lạc với nhau qua điện thoại, đến chiều A và B gặp nhau tại quán cà phê gần chung cư I để lấy tiền hoặc chung tiền; tỷ lệ ăn thua với người mua lô đề là, nếu mua 02 con số trúng gấp 70 lần, 03 con số trúng gấp 600 lần, đá xiên và đá vòng trúng gấp 550 lần. Ngày 15/9/2018, điện thoại di động có số thuê bao 0938323755 của A đã nhận tin nhắn từ C, E và D với tổng số tiền mua lô đề là 12.290.400 đồng; đến chiều, những người mua lô đề trúng tổng cộng 143.200.000 đồng nhưng A không có tiền trả cho họ, lúc đó do sợ bị đánh nên đến Công an phường T tự thú. Tổng số tiền A tham gia tổ chức đánh bạc là 155.490.400 đồng. *B khai*: B và A bắt đầu hùn thầu bán lô đề từ ngày 08/9/2018 (cách thức giống như lời khai của A); riêng Võ Văn H, do chỗ bạn bè thân thiết nên B có nhờ H ai mua lô đề thì ghi bán giùm rồi chuyển qua tin nhắn điện thoại cho B chứ không có ăn chia gì. Ngày 15/9/2018, điện thoại di động có số thuê bao 0904288518 của B đã nhận tin nhắn từ Võ Văn H là tên C mua lô đề với tổng số tiền là 4.453.200 đồng; đến chiều kết quả C trúng lô đề là 43.000.000 đồng nên số tiền tổ chức đánh bạc riêng của B là 47.453.200 đồng; bên cạnh đó, B còn hùn với A bán lô đề cho Trần Dũng C, Mai Hoàng D và Lê Huỳnh E với tổng số tiền là 12.290.400

đồng, khi các các đài xổ số mở thưởng thì C, D và E đã trúng lô đề với tổng số tiền 143.200.000 đồng nên tổng số tiền B tham gia tổ chức đánh bạc được tính là 202.943.600 đồng. Riêng việc người bạn tên X (không rõ lai lịch) nhắn tin cho B mua lô đề đài Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh X với số tiền 8.602.400 đồng nhưng do B còn nợ tên X 10.000.000 đồng, sợ tên X mua lô đề để trừ tiền nợ, do đó B điện thoại lại cho tên X báo là A không đồng ý mua vì quá giờ và hủy việc mua bán lô đề này với tên X; lúc khoảng hơn 17 giờ cùng ngày, tên X tiếp tục nhắn tin mua lô đề đài Miền Bắc với số tiền là 4.330.000 đồng, B vừa nhắn một tin cho A biết thì A nhắn lại hủy do A đã đến Công an phường T tự thú, lập tức B điện thoại báo cho tên X biết là không mua lô đề của tên X được vì A đang làm việc với Công an nên không tính số tiền bán các lô đề này của B và A. *H khai:* Trước đây B có nhờ biết ai mua lô đề thì ghi bán giùm và do chỗ bạn bè thân thiết nên nhận lời. Ngày 15/9/2018, H nhận được tin nhắn của C từ số điện thoại di động 01654337114 vào số điện thoại 0909850594 của H để mua các lô đề Đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh, số 68 bao 18 lô, mỗi lô 50.000 đồng; số 468 bao 17 lô, mỗi lô 10.000 đồng; số 468 xiu chủ mỗi lô 50.000 đồng; số 68 và 07 đá xiên 5.000 đồng; số 68, 70 và 07 đá vòng 5.000 đồng (Đài Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh X). số 28, 68 và 86 đá vòng 10.000 đồng (Đài xổ số kiến thiết Thành phố P); số 40 và 04 đá xiên 20.000 đồng (Đài xổ số kiến thiết Thành phố P) với tổng số tiền 4.453.200 đồng; sau đó, H chuyển tin nhắn này đến cho B vào số điện thoại 0904288518, khi B nhận được tin nhắn trả lời “OKE” thì H xóa tin nhắn trong máy; đến chiều, kết quả C trúng lô đề là 43.000.000 đồng nên tổng số tiền mà H bán lô số đề giùm cho B được tính là 47.453.200 đồng. *C khai:* Ngày 15/9/2018, C dùng điện thoại di động số 01654337114 nhắn tin qua điện thoại số 0938323755 của A mua lô đề Đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh gồm, số 68 bao 18 lô, mỗi lô 100.000 đồng; số 468 bao 17 lô, mỗi lô 20.000 đồng; số 468 xiu chủ, mỗi lô 100.000 đồng; số 68 và 07 đá xiên 5.000 đồng; số 68, 70 và 07 đá vòng 5.000 đồng (Đài Thành phố Hồ Chí Minh và X), tổng tiền C mua lô đề của A là 3.744.000 đồng với kết quả trúng 86.000.000 đồng. Sau khi mua lô đề của A, C tiếp tục dùng điện thoại di động số 01654337114 nhắn tin qua điện thoại số 0909850594 của H mua lô đề Đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh, số 68 bao 18 lô, mỗi lô 50.000 đồng; số 468 bao 17 lô, mỗi lô 10.000 đồng; số 468 xiu chủ, mỗi lô 50.000 đồng; số 68 và 07 đá xiên 5.000 đồng; số 68, 70, 07 đá vòng 5.000 đồng (Đài Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh X); số 28, 68 và 86 đá vòng 10.000 đồng (Đài xổ số kiến thiết Thành phố P); số 40 và 04 đá xiên 20.000 đồng (Đài xổ số kiến thiết Thành phố P); tổng số tiền C mua lô đề lần này của H là 4.453.200 đồng với kết quả trúng 43.000.000 đồng nên tổng số tiền mà C dùng để đánh bạc và thắng bạc là 137.197.200 đồng. *Thắng khai:* Ngày 15/9/2018, E dùng điện thoại di động có số thuê bao 0902517524 nhắn tin qua điện thoại số 0938323755 của A mua lô đề Đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh, số 68 bao 18 lô, mỗi lô 30.000 đồng; Đài xổ số kiến thiết tỉnh X, số 70 bao 18 lô, mỗi lô 20.000 đồng; số 68 và 07 đá xiên 5.000 đồng; số 29 và 70 đá xiên 5.000 đồng (Đài Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh X); tổng tiền E mua lô đề của A là 1.461.600 đồng với kết quả trúng 4.200.000 đồng nên số

tiền mà E dùng để đánh bạc và thắng bạc là 5.661.600 đồng. Riêng D khai: Ngày 15/9/2018, D dùng điện thoại di động có số thuê bao 0918264826 nhắn tin qua điện thoại số 0938323755 của A mua lô đề Đài xổ số kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh, số 68 bao 18 lô, mỗi lô 200.000 đồng, số 86 bao lô 100.000 đồng; số 86 và 68 đã xiên 30.000 đồng (Đài Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh X); tổng số tiền D mua lô đề của A là 7.084.800 đồng; kết quả trúng 53.000.000 đồng nên tổng số tiền mà D dùng để đánh bạc và thắng bạc là 60.084.800 đồng. Tuy nhiên do trong lúc tại ngoại trình điều tra, bị can D đã bỏ trốn nên bị Cơ quan điều tra thực hiện truy nã cho đến khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 267/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Bửu A, Bùi Duy B phạm “Tội tổ chức đánh bạc”; bị cáo Trần Dũng C phạm “Tội đánh bạc”.

- Về điều luật áp dụng và xử phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Bửu A 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22-8-2019.

Buộc bị cáo Nguyễn Bửu A nộp phạt số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Bùi Duy B 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23-9-2019.

Buộc bị cáo Bùi Duy B nộp phạt số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Dũng C 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12-7-2019.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với các bị cáo khác, phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/12/2019 bị cáo Trần Dũng C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngày 06/12/2019 bị cáo Bùi Duy B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngày 12/12/2019 bị cáo Nguyễn Bửu A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi phân tích tội danh, tính chất mức độ hành vi phạm tội, cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm

nhẹ mà cấp sơ thẩm đã xem xét. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo A, B, C, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không đưa ra tình tiết giảm nhẹ hình phạt nào khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Bửu A, Bùi Duy B, Trần Dũng C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm; các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và không bên nào đưa ra những tình tiết mới cần phải tranh luận đối đáp thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Thẩm phán trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hình thức đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xử, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Trong ngày 15/9/2018, các bị cáo Nguyễn Bửu A và Bùi Duy B, đã có hành vi tổ chức đánh bạc trái phép dưới hình thức thầu ghi bán lô số đề trực tiếp ăn thua bằng tiền với các bị cáo Trần Dũng C và Lê Huỳnh E; trong đó, tổng số tiền để thực hiện trong hành vi này của bị cáo A là 155.490.400 đồng và bị cáo B là 202.943.600 đồng. Bị cáo Võ Văn H là người ghi bán lô số đề giúp cho bị cáo B với tổng số tiền để thực hiện trong hành vi này là 47.453.200 đồng. Riêng 02 bị cáo Trần Dũng C và Lê Huỳnh E đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức ghi mua lô số đề của các bị cáo nêu trên với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc của bị cáo C là 137.197.200 đồng, còn bị cáo E là 5.661.600 đồng. Do Nguyễn Bửu A và Bùi Duy B đã ghi bán các lô số đề cho Mai Hoàng D, Trần Dũng C và Lê Huỳnh E với kết quả những người này trúng số tiền quá lớn nhưng A không có tiền chung, sợ bị đánh nên đến Công an phường T, quận H tự thú, bị cáo Bùi Duy B đầu thú.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các Nguyễn Bửu A, Bùi Duy B về tội “Tổ chức đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017). Bị cáo Trần

Dũng C về tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định đối với bị cáo C theo điểm b khoản 2, Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017) là đúng người, đúng tội, không oan sai và phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Bửu A, Bùi Duy B, Trần Dũng C. Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm đã xem xét toàn diện, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, mức hình phạt tòa sơ thẩm xét xử là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không đưa ra tình tiết giảm nhẹ hình phạt mới nào và mức hình phạt là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo A, B, C. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Bửu A, Bùi Duy B, Trần Dũng C; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017);

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Bửu A** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 22-8-2019.

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017);

Xử phạt bị cáo **Bùi Duy B** 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Tổ chức đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 23-9-2019.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017);

Xử phạt bị cáo **Trần Dũng C** 03 (ba) năm tù, về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày 12-7-2019.

Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

- Nơi nhận:**
- TAND TC; (1)
 - TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
 - VKSND TP.HCM; (3)
 - VKSND quận H; (1)
 - P.PC 53 - CATP; (1)
 - Bị cáo; (1)
 - Luật sư; (1)
 - Chi cục THA quận H; (1)
 - TAND quận H; (2)
 - Công an quận H; (1)
 - Sở Tư pháp; (1)
 - UBND nơi bị cáo cư trú; (3)
 - Lưu: VT, THS, hồ sơ; (25) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hà